

Số: 72/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Yên Châu, Sơn La”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 5032/UBND-KT ngày 07/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Kho bạc Nhà nước Yên Châu, Sơn La; Văn bản số 1300/KBSL-TVQT ngày 20/12/2023 của Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La về việc chỉnh sửa nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Yên Châu, Sơn La”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-STNMT ngày 03/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Yên Châu, Sơn La” (sau đây gọi là Dự án) của Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La (sau đây gọi là Chủ dự án) tại tiểu khu 6, thị trấn Yên Châu và bản Mường Vạt, xã Viêng Lán, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục

công trình, các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế và có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND huyện Yên Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC KHO BẠC NHÀ NƯỚC YÊN CHÂU, SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số: 72/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Yên Châu, Sơn La.
- Địa điểm thực hiện: Tiểu khu 6, thị trấn Yên Châu và bản Mường Vạt, xã Viêng Lán, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.
- Chủ dự án: Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La.
- Địa chỉ liên hệ: số 36 đường Lò Văn Giá, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi

Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Yên Châu được đầu tư xây dựng mới tại lô đất cơ quan có ký hiệu TSC-02 trong Đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 thị trấn Yên Châu (theo Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND huyện Yên Châu) thuộc tiểu khu 6 (thị trấn Yên Châu) và bản Mường Vạt (xã Viêng Lán), huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Các đối tượng giáp ranh dự án như sau:

- Phía Bắc: Giáp trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Yên Châu.
- Phía Nam: Giáp đường quy hoạch phân khu.
- Phía Đông: Giáp đường đi từ Quốc lộ 6 đi vào bản Kho Vàng.
- Phía Tây: Giáp khu dân cư.

1.2.2. Quy mô của Dự án

- Loại hình dự án: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Kho bạc Nhà nước huyện Yên Châu.
- Loại công trình: Công trình dân dụng cấp III.
- Diện tích chiếm dụng đất của dự án là 2.505 m², với hiện trạng chiếm dụng đất như sau.

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Đất lúa 02 vụ	LUC	326	
2	Đất trồng cây hàng năm	BHK	1.360	
3	Đất giao thông	DGT	214	
4	Đất thủy lợi	DTL	94	

5	Đất trồng		511	Trạm khai thác thủy lợi cũ
	Tổng		2.505	

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các công trình chính

- Nhà làm việc 03 tầng: Tổng diện tích sàn xây dựng $S_s=688m^2$. Chiều dài nhà 18m, chiều rộng nhà 13,3m. Chiều cao nền nhà cốt ± 0.000 cao hơn cốt sân 0,75m; chiều cao tầng 3,9m; mái cao 3,1m; tổng chiều cao nhà (tính từ cốt sân) là 15,55m.

- Nhà phụ trợ 02 tầng: Tổng diện tích sàn xây dựng $S_s=211,8m^2$. Chiều dài nhà 13,2m, chiều rộng nhà 6,9m. Chiều cao nền nhà cốt ± 0.000 cao hơn cốt sân 0,45m; chiều cao tầng 3,6m; mái cao 2,65m; tổng chiều cao nhà (tính từ cốt sân) là 10,3m.

- Nhà thường trực 01 tầng: Diện tích sàn xây dựng $S_{xd}=12,3m^2$; chiều dài nhà 3,6m, chiều rộng nhà 3,0m; chiều cao nhà từ cốt sân đến sàn mái là 3,15; mái cao 0,9m.

1.3.2. Các công trình phụ trợ

- Nhà để máy bơm, máy phát điện; nhà để xe; cổng, hàng rào; sân đường nội bộ, bồn hoa, cây xanh,...

- Hệ thống điện nước ngoài nhà; bể nước ngầm, phòng chống mối.

1.3.3. Các hoạt động của dự án đầu tư

- Hoạt động thi công xây dựng.

+ Vét bùn.

+ Lấy vật liệu đất đắp, vận chuyển đất đắp về dự án, san gạt mặt bằng.

+ Vận chuyển vật liệu, máy móc thiết bị thi công.

+ Bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu.

+ Thi công san nền, thi công các hạng mục chính của dự án: Hạ tầng kỹ thuật đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải.

+ Thu dọn kho bãi, lán trại, vận chuyển máy móc thiết bị thi công ra khỏi công trường.

- Hoạt động vận hành.

+ Vận hành các công trình chính và các công trình phụ trợ.

+ Giám sát, bảo trì bảo dưỡng các công trình chính và các công trình phụ trợ.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai (diện tích $326 m^2$).

- Trên khu đất thực hiện dự án có 01 công trình nhà sàn và 01 nhà tạm của hộ dân Hoàng Văn Lướt thuộc bản Mường Vạt, xã Viêng Lán cần di chuyển.

- Hiện trạng đang có công trình thủy lợi Phai Va cắt ngang khu vực dự án thuộc quản lý của Công ty TNHH một thành viên quản lý khai thác công trình thủy lợi Sơn La. Công trình hiện đang cấp nước tưới phục vụ cho 19 ha lúa phía Đông Nam dự án (*lưu lượng $Q = 38 \text{ l/s}$*), mặt cắt kênh $b_{\text{bx}} = 0,5 \times 0,5\text{m}$, chiều dài (*đoạn qua khu đất dự án*) là 45m, kết cấu bê tông CT M200.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công

- Dự án chiếm dụng 2.505 m^2 đất phục vụ thi công, xây dựng các hạng mục công trình làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của 06 hộ dân.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng.

+ Tác động do hoạt động rà phá bom mìn tồn lưu trong đất.

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, phá dỡ, dịch chuyển các công trình hiện hữu,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình nạo vét; đào đắp đất trong quá trình san nền; từ phương tiện vận chuyển đất, đá nguyên vật liệu xây dựng; quá trình bốc xúc, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; hoạt động máy móc, thiết bị thi công xây dựng; khí thải phát sinh từ quá trình hàn, cắt kim loại, hoạt động trộn, rải bê tông.

+ Nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt; nước thải thi công (*nước thải vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công, nước rửa nguyên vật liệu xây dựng, rửa xe*); nước mưa chảy tràn; trên khu vực thi công xây dựng.

+ Chất thải rắn gồm: Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

+ Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công (*máy cắt, máy đầm, máy lu, máy trộn, máy xúc, ô tô vận tải...*) và tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của nhân viên làm việc tại trụ sở Kho bạc có phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn làm ảnh hưởng đến khu vực dự án và vùng lân cận. 

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nguồn phát sinh gồm.

+ Nước thải sinh hoạt: Hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân và nhân viên phục vụ quá trình thi công dự án. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, TSS, BOD₅, COD, N, P và Tổng Coliform,... với lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa là 02m³/ngày.

+ Nước thải xây dựng: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công, rửa xe, nước thải từ hoạt động thi công phát sinh khối lượng khoảng 1,56m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, COD, BOD₅, tổng N, Tổng P, dầu mỡ, đất, cát,...

+ Nước mưa chảy tràn: Tổng lưu lượng phát sinh là 429,6 m³/ngày (hay 5 lít/s), với thành phần chủ yếu là đất, cát, cành lá cây, chất rắn lơ lửng,...

b) Khí thải

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền tạo mặt bằng thi công; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu khi xây dựng; hoạt động đào, đắp các hạng mục công trình và do hoạt động của các thiết bị sử dụng dầu; hoạt động của máy trộn bê tông, thi công đổ bê tông, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Thành phần khí thải bao gồm: Bụi, khí SO₂, NO_x, CO, VOC,...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng bao gồm các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Quy mô (khối lượng): 12,8 kg/ngày.

- Thành phần: Vỏ, hạt hoa quả, thức ăn thừa, thân, lá, cành cây, chai, túi nilon, hộp đựng thức ăn, khăn ướt, giấy ăn, giấy báo, hộp catton, ...

b) Chất thải rắn thông thường

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động phát quang thực vật, phá dỡ, đào đắp san ủi mặt bằng, thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Quy mô (khối lượng).

+ Chất thải phát quang thực vật phát sinh khoảng 0,038 tấn.

+ Phế thải xây dựng bao gồm bao xi măng, cốt pha, gạch đá hỏng, xi măng

thải,... là 32,81 tấn/quá trình thi công.

+ Tổng khối lượng đất đá thải phát sinh từ quá trình thi công: 2.143,1 m³ (trong đó đất hữu cơ đất C2 là 489,91 m³, đất C3 là 1.570,53 m³ và đá cấp IV là 82,66 m³).

c) Chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị, xe máy thi công.

- Quy mô (khối lượng): Khoảng 55 kg/quá trình thi công. Thành phần gồm: Găng tay, giẻ lau, dầu thải, thùng chứa dầu thải, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang....

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

- Nguồn phát sinh: Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và rung chấn tác động tới người dân, khu dân cư nằm gần khu đất dự án.

- Quy chuẩn áp dụng.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động do thu hồi, chiếm dụng đất.

- Tác động đến môi trường đất.

- Tác động đến môi trường xã hội, giao thông khu vực.

- Tác động đến dòng chảy và nhu cầu sử dụng nước của người dân.

- Tác động do sự cố như: cháy nổ, tai nạn lao động; tai nạn giao thông; bồi lắng, xói lở lòng suối; sự cố do thiên tai như lũ quét và sạt lở đất,...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ cán bộ, nhân viên làm việc trong Kho bạc và người đến làm việc có thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, TSS, BOD₅, COD, N, P và vi sinh vật,... Tổng lượng nước thải phát sinh tối đa 1,4m³/ngày.đêm.

- Nước mưa chảy tràn ước tính phát sinh khoảng 429,6 m³/ngày (tương đương 5 lít/s), thành phần pH; Dầu mỡ; Clo; NO³⁻; SO₄²⁻, đất, cát, cành cây khô...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên làm việc trong Kho bạc và người dân đến làm việc tại trụ sở với khối lượng khoảng 10,96kg/ngày và thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ (chiếm khoảng 70%), giấy, 

vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại,...

- Bùn thải từ bể tự hoại: $0,56 \text{ m}^3/\text{năm}$.

b) Chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình làm việc của cán bộ, nhân viên.

- Quy mô (*khối lượng*): Khoảng $4,5 \text{ kg/tháng}$. Thành phần gồm: giẻ lau, dầu thải, pin, hộp mực in thải,...

3.2.4. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án. Tiếng ồn và độ rung cao hơn tiêu chuẩn sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe như gây mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu.

3.2.5 Các hoạt động khác

- Tác động do hoạt động giao thông đi lại.

- Tác động tới kinh tế - xã hội địa phương.

- Tác động do các sự cố gây ra như: cháy nổ, sự cố do điều kiện khí hậu,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Nước thải sinh hoạt

- Bố trí 01 nhà vệ sinh để thu gom và xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải từ nhà vệ sinh này không thải ra môi trường, định kỳ 01 tháng/lần khi bể chứa chất thải của nhà vệ sinh lưu động đầy (*thời gian có thể thay đổi tăng giảm tùy thuộc vào lượng nước thải phát sinh thực tế tại công trường*) và thuê Đơn vị hút bể phốt trên địa bàn thu gom, xử lý đúng quy định. Bố trí 01 bể lắng kết hợp tách mỡ tại khu lán trại công nhân để thu gom nước thải từ khu vực nhà ăn, nước rửa tay chân trước khi xả ra môi trường.

b) Nước thải xây dựng

- Nước thải từ hoạt động thi công: Chủ dự án yêu cầu nhà thầu bố trí một mương thu gom nước thải và một bể lắng 02 ngăn với kích thước mỗi ngăn là $1 \times 1 \times 1 \text{ m}$. Nước thải được dẫn vào ngăn thứ 01 của bể giúp lắng các thành phần có kích thước lớn như đất cát và loại bỏ một phần dầu mỡ trong nước thải. Sau đó nước thải được đưa sang ngăn thứ 02 có chứa vật liệu lọc là cát, sỏi giúp loại bỏ các chất lơ lửng còn sót lại trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa lốp xe: Bố trí 01 khu vực rửa lốp xe ($4 \times 3 \text{ m}$, diện tích là 12 m^2) và mương thu gom để thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe, rửa máy móc tại công trường vào bể lắng chung với nước thải từ hoạt động thi công. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa

bánh xe, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

Các công trình này sẽ được san lấp và hoàn trả mặt bằng trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

c) Nước mưa chảy tràn

Khởi thông hệ thống mương thoát nước mưa xung quanh khu vực thi công thường xuyên; dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác; thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

a) Đối với nước thải sinh hoạt.

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt thiết kế riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý qua 02 bể tự hoại 5 ngăn với dung tích mỗi bể $10,5\text{m}^3$ (kích thước $D \times R \times C = 3 \times 2 \times 1,75\text{m}$) trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực (đặt ngầm dưới khu nhà vệ sinh phía nhà làm việc và nhà phụ trợ). Bể tự hoại xây bằng gạch, đảm bảo độ kín khít và an toàn về mặt kết cấu công trình. Bể tự hoại có ống thông hơi, đường kính 50mm, dẫn lên trên mái nhà 0,8m để tránh mùi, khí độc hại.

- Dự án sử dụng đường ống thu nước thải là ống PVC 125 độ dốc 01%, tổng chiều dài 105m. Sau đó thoát ra rãnh nước theo đường Quốc lộ 6.

b) Đối với nước mưa chảy tràn.

- Nước mưa trên mái được thu vào ống đứng thoát nước (số lượng là 08 ống PVC D90), xuống tầng 01 thoát trực tiếp vào hố ga thu nước đặt ngoài nhà sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng với hệ thống thoát nước thải. Kết hợp hệ thống cống tròn BTCT và hệ thống mương hở, rãnh nắp đan cho từng khu vực sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Tuyến thoát nước mưa B300 độ dốc 0,5% có chiều dài $L=162,5\text{ m}$, kích thước rãnh $0,5\text{m} \times 0,6\text{m}$. Trên toàn bộ mạng lưới bố trí hệ thống hố ga lắng cặn (gồm 10 hố kích thước $D \times R \times C = 1 \times 1 \times 1\text{m}$) với khoảng cách từ 15-20m đảm bảo thu gom nước nhanh chóng, triệt để và thuận tiện cho việc nạo vét và kiểm tra định kỳ. Sau đó, theo đường ống PVC D200 chiều dài 4m độ dốc 0,5% thoát ra rãnh nước theo đường Quốc lộ 6.

4.1.2. Đối với bụi và khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) được phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng cho phép, không để rơi vãi vật liệu, ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường. Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, không đổ tràn

chất thải hoặc vật liệu xây dựng ra ngoài khu vực được phép, gây bụi, cản trở giao thông và người dân trong khu vực.

- Bố trí 01 khu vực rửa lốp xe ($4 \times 3m$, diện tích là $12m^2$) tại khu phụ trợ. Xe vận chuyển sau khi vận chuyển nguyên vật liệu đến hoặc đến để vận chuyển đất đá thải sẽ được làm sạch lốp và gầm xe tại khu vực này trước khi ra khỏi công trường nhằm hạn chế bụi phát sinh do bụi bắn bám vào bánh xe với tần suất 4 chuyến/lần rửa.

- Lập rào chắn bằng tôn cao 2,0m xung quanh khu vực dự án để cách ly khu vực thi công với các khu vực xung quanh dự án; khi xây dựng công trình trên tầng cao bố trí bạt che chắn xung quanh và có thiết bị an toàn lao động.

- Không hoạt động vận chuyển vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông (6h30 - 7h30, 11h - 12h), giờ nghỉ ngơi của nhân dân khu vực (từ 12h đến 13h) và buổi tối từ 18h hôm trước đến 6h sáng hôm sau.

- Bố trí nhân công thường xuyên kiểm tra khu vực dự án và trên tuyến đường vận chuyển thu dọn đất đá rơi vãi, không ảnh hưởng đến sự tham gia của các phương tiện giao thông và ô nhiễm môi trường dân cư xung quanh.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền; ưu tiên lựa chọn các máy thi công có chất lượng tốt để giảm ồn, rung và khí thải ảnh hưởng đến môi trường.

- Lập kế hoạch thi công và cung cấp vật tư hợp lý nhằm hạn chế lượt xe ra, vào cùng một thời điểm, giảm tình trạng phát tán nhiều bụi và khí thải ra môi trường.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Để rác thải đúng quy định và đựng trong các thùng chuyên dụng có nắp đậy. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn, tổ chức thu gom định kỳ hàng ngày đảm bảo theo quy định để giảm thiểu mùi hôi thối của chất thải.

4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn xây dựng

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La. Hạn chế các phế thải sinh hoạt trong thi công. Tận dụng triệt để các loại chất thải rắn sinh hoạt có thể tái sử dụng như thức ăn thừa, thực phẩm thải bỏ sau sơ chế để cho các hộ chăn nuôi xung quanh khu vực; các loại rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (*nhựa, kim loại, giấy*) chuyển giao cho các hộ gia đình, cá nhân thu gom phế liệu hoặc tái sử dụng cho hoạt động sinh hoạt. Các chất thải sinh hoạt còn lại... được thu gom tại chỗ bằng các thùng rác tạm, các thùng rác tạm được bố trí tại khu lán trại tạm của công nhân chuyển giao cho đơn vị

thu gom có chức năng trên địa bàn để thu gom, vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn của huyện.

- Bố trí 01 thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít tại công trường và khu vực lán trại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng

- Chất thải từ quá trình phát quang thực vật: tạo điều kiện cho người dân tận dụng tối đa.

- Thu gom đất đá, vật liệu xây dựng, vỏ bao bì xi măng, cốt ép, gỗ đưa vào các vị trí trên khuôn viên khu đất xây dựng dự án để tái sử dụng vào các mục đích khác. Các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư thừa,... được thu gom, phân loại, tập trung để bán phế liệu.

- Toàn bộ khối lượng đào đất cấp 3 là 1.570,53 m³ và đá cấp IV là 82,66 m³ sẽ được tận dụng lại toàn bộ phục vụ quá trình đắp san nền và xây dựng kè chắn đất của dự án, dự án không có bãi thải. Cam kết sử dụng nguồn đất đắp đảm bảo các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

- Đối với đất hữu cơ trong quá trình bóc tách ban đầu 489,91m³ (trong đó khối lượng tầng đất mặt phải bảo vệ theo Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ là 81,5 m³ sẽ được tận dụng để phủ đất trồng cây xanh tại dự án). Bố trí khu vực trong khuôn viên dự án để lưu giữ khối lượng đất mặt bóc từ diện tích đất trồng lúa 02 vụ để sử dụng trồng cây cảnh tại dự án.

- Chủ dự án cam kết lập phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 57 của Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018 và Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

a) Đối với chất thải sinh hoạt

- Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La. Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại rác thải và được lưu giữ riêng từng loại: Rác thải là thực phẩm; rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải khác.

+ Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được tận thu và bán lại cho cơ sở thu mua phế liệu.

+ Rác thải là thực phẩm: Cho các hộ gia đình làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm phân hữu cơ hoặc chuyển giao cho đơn vị thu gom trên địa bàn.

+ Các loại rác thải khác: Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La – Chi nhánh huyện Yên Châu vận chuyển rác đến khu xử lý chất thải rắn của huyện. Tần suất: Thu gom 01 lần/ngày hoặc 02 lần nếu rác thải phát sinh nhiều.

- Tại các vị trí nhà làm việc, nhà phụ trợ và khuôn viên chung của dự án bố trí

06 thùng rác có nắp đậy, dung tích từ 10 lít - 120 lít.

b) Đối với khối lượng bùn thải từ các bể tự hoại

Định kì thuê đơn vị chức năng đến hút bùn cặn và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6 m² tại khu vực phụ trợ công trường thi công để lưu trữ tạm thời chứa chất thải nguy phát sinh trong quá trình xây dựng. Trong kho bố trí 04 thùng chứa 60 lít chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ, phân loại chất thải. Kho được gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, nền kho được đổ bê tông chống thấm, cửa kho có gờ hoặc rãnh chống tràn đổ chứa chất thải nguy ra khu vực xung quanh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chứa chất thải nguy với diện tích 3m² đảm bảo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp; không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Bố trí hợp lý các nguồn phát ra tiếng ồn lớn như máy trộn bê tông, máy phát điện cách xa các khu lán trại và khu dân cư tối thiểu 100 m.

- Quản lý hoạt động của các xe tải nặng ra vào khu vực công trường gây ảnh hưởng đến các khu vực 2 bên đường vận chuyển, không hoạt động vào những khoảng thời gian từ 12h - 13h trưa và từ 8h tối hôm trước đến 6h sáng hôm sau.

- Thường xuyên bảo dưỡng và kiểm tra các phương tiện vận chuyển, đảm bảo phương tiện giao thông và phương tiện cơ giới đang trong thời hạn đăng kiểm theo quy định. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Tiến hành thi công trong giờ hành chính, trường hợp chủ dự án tiến hành thi công ngoài giờ hành chính, phải có sự thống nhất với đại diện chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư khu vực triển khai dự án.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

4.3.2. Giai đoạn vận hành

Chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông đi lại và quá trình duy tu, bảo dưỡng, tuy nhiên cường độ ít. Để giảm thiểu các tác động này, chủ dự án bố trí các biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ dòng xe; bố trí máy móc và thời gian sửa chữa, duy tu hợp lý.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu các tác động do hoạt động thu hồi đất, giải phóng mặt bằng

- Chủ dự án phối hợp với UBND huyện Yên Châu thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; áp dụng các cơ chế chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh Sơn La ban hành tại thời điểm thu hồi đất.

- Công khai thông tin liên quan đến dự án bằng các cuộc họp bàn với người dân và chính quyền, cùng với chính quyền xã và người dân khu vực dự án kiểm tra thực địa tại dự án để nhân dân được biết và giám sát thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.

- Thông tin đầy đủ, minh bạch về dự án và kết quả hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng mà người dân nhận được; lắng nghe ý kiến của người dân và giải đáp kịp thời những thắc mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ người dân bị thu hồi đất. Kết quả hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng được công khai tại UBND thị trấn Yên Châu và UBND xã Viêng Lán để người dân được biết và kiểm tra giám sát.

- Ưu tiên sử dụng người dân địa phương đặc biệt là các hộ dân bị thu hồi đất tham gia thi công dự án phù hợp với sức khỏe và khả năng lao động.

- Thực hiện nộp tiền để bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Điều 2 Thông tư 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống tưới tiêu khu vực

- Phương án di dời mương thủy lợi: Thiết kế cống BTCT M200, kích thước D400, bố trí thanh chống bằng BTCT, tổng chiều dài cống 59m, hướng đi vòng theo mái taluy (*giật cơ đầm chặt $K \geq 90$*) của khu vực san nền và mái taluy nền đường nội

bộ (nằm sát ranh giới khu đất). Điểm bắt đầu nối với mương hiện trạng tại hố ga G11 (có tọa độ $X = 2328262.14$; $Y = 530157.40$); điểm cuối cống giao với cống BTCT qua đường D1000 (đã có) tại hố ga G14 (có tọa độ $X = 2328300.68$; $Y = 530181.04$). Điểm đầu và điểm cuối có cao độ bằng cao độ mương hiện trạng. Diện tích chiếm dụng 33 m^2 , trong đó: diện tích đặt cống ngầm là 24 m^2 , 04 hố ga đặt trên mặt đất là 9 m^2 (nằm ngoài đất phạm vi thực hiện dự án).

- Quá trình thi công dự án phải đảm bảo nước tưới cho người dân sản xuất, cam kết sẽ thực hiện việc bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường nếu xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường trong khu vực dự án và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Sau khi hoàn trả hệ thống kênh thủy lợi, Chủ dự án bàn giao lại cho Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Sơn La quản lý và khai thác theo quy định.

4.4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động đến cơ sở hạ tầng và giao thông khu vực

- Nghiêm túc thực hiện các quy định của Thông tư 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

- Vận chuyển đúng tốc độ quy định khi tham gia giao thông trên đường Quốc lộ, đường nông thôn, đặc biệt tại các vị trí giao cắt với đường ngang dân sinh.

- Thường xuyên duy tu, cải tạo, nâng cấp lại những đoạn đường bị hư hỏng do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc phục vụ thi công dự án để đảm bảo quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động tham gia giao thông của người dân.

- Hạn chế tối đa lưu lượng phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu di chuyển trong khung giờ cao điểm; tránh gây xung đột, gia tăng phương tiện giao thông trong thời điểm buổi sáng từ 11h30-12h00, buổi chiều từ 17h30'-18h00'.

- Đảm bảo vệ sinh, an toàn trong quá trình sử dụng; trong trường hợp xảy ra hiện tượng hư hỏng bề mặt đường, chủ đầu tư sẽ sửa chữa, cải tạo để hoàn trả mặt đường như hiện tại, đảm bảo quá trình vận chuyển của dự án và việc đi lại của người dân được thuận lợi, an toàn như đã cam kết với UBND các xã, thị trấn vùng dự án.

- Không tập kết các phương tiện máy móc thi công, vật liệu xây dựng và đất đá thải lán chiếm phần đường không thuộc phạm vi dự án.

- Giám sát chặt chẽ, tránh để đất đá thải, vật liệu của dự án rơi trên đường, gây mất an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông.

- Các lái xe tuân thủ các quy định về an toàn giao thông và không được uống rượu và sử dụng ma túy.

- Cam kết hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông khi xảy ra trường hợp trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu làm hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông trong khu vực.

4.4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội khu vực

- Đăng ký tạm trú cho công nhân; ban hành các nội quy an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông trên công trường và tại lán trại.

- Ưu tiên tuyển dụng lao động là người địa phương; tuyên truyền, giáo dục ý thức công nhân về truyền thống văn hóa địa phương. Nhà thầu cam kết không sử dụng lao động là đối tượng vi phạm pháp luật, tội phạm ma túy,...

- Thiết lập và duy trì đội bảo vệ trên công trường tránh tình trạng trộm cắp vật tư, phá hủy máy móc. Thường xuyên phối hợp, thông tin với chính quyền địa phương, tổ bản về tình hình lao động, an ninh trật tự và cùng phối hợp xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân xây dựng 01 năm/lần; trang bị tủ thuốc cá nhân tại khu vực lán trại; phối hợp với các cơ sở y tế địa phương sơ cứu, cấp cứu kịp thời lao động bị tai nạn, ốm đau dịch bệnh; đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong sinh hoạt tại lán trại.

4.4.5. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Lắp đặt hệ thống báo hiệu thi công công trình; Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn thiết bị trước khi sử dụng; lắp đặt biển báo cấm người qua lại trong phạm vi hoạt động của các thiết bị và công trường,...

- Tập kết nguyên vật liệu xây dựng và chất thải phải cách xa ít nhất 10 m so với các tuyến suối, khe hoặc các nguồn nước hiện có để giảm thiểu vật liệu có thể dẫn đến bồi lắng, tắc nghẽn và gây úng ngập cục bộ.

- Trước khi dùng lưới điện hay điện máy tự phát đều phải kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn, của đường dây dẫn. Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện để phòng tránh cháy nổ do chập điện; phổ biến nội quy, tổ chức kiểm tra an toàn về điện.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu tĩnh điện tích tụ theo quy phạm chống sét cho các công trình xây dựng.

- Khi có sự cố xảy ra cần điều động người, phương tiện máy móc đến hiện trường để thu dọn. Đối với sự cố có tổn thất về người hoặc tài sản cần báo ngay cho đơn vị quản lý, chính quyền địa phương để có phương án giải quyết thích hợp.

- Chủ dự án chủ động cập nhật tình hình mưa lũ để chủ động trong công tác phòng tránh thiên tai, thường xuyên kiểm tra đường ống thoát nước mưa, nước thải vệ sinh hố ga, bể lắng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

- Chủ dự án có trách nhiệm tổ chức, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc giám sát môi trường. Phối hợp thẩm định, kiểm tra các công trình, hạng mục, kiến trúc, các hệ thống kỹ thuật xử lý môi trường, phòng chống sự cố nhằm đảm bảo các quy định và quy chuẩn môi trường Việt Nam.

- Các biện pháp quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường được triển khai: Quản lý các nguồn chất thải rắn, chất thải nguy hại; quản lý việc xả nước thải ra môi trường; quản lý môi trường giao thông và các phương tiện ra vào khu vực dự án; kế hoạch xử lý các sự cố môi trường có thể xảy ra.

5.1. Giám sát chất thải

5.1.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng dự án

a) Giám sát chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn xây dựng.

+ Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý chất thải rắn xây dựng.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng công trình.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt.

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh.

b) Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

c) Giám sát quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

- Tần suất: Liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

- Thời gian thực hiện: Trong giai đoạn triển khai xây dựng.

d) Giám sát sụt lún, sụt lún công trình

- Thông số giám sát: Mức độ sụt lún, sụt lún của công trình.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng đường giao thông.

- Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công. ✓

5.1.2. Kế hoạch giám sát môi trường giai đoạn hoạt động dự án

a) Giám sát chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt.

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

b) Giám sát chất thải nguy hại

- Mục đích: Đánh giá thành phần, khối lượng chất thải nguy hại được lưu giữ để có các biện pháp bổ sung giảm thiểu ô nhiễm.

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng tháng.

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5.2. Kế hoạch quan trắc môi trường

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các nội dung của quyết định phê duyệt kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp bồi thường, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

- Chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền giao đất và hoàn thành thi công, đưa vào sử dụng tuyến đường hoàn trả (có xác nhận của Công ty TNHH một thành viên quản lý khai thác công trình thủy lợi Sơn La). Trường hợp, việc hoàn trả tuyến đường không thực hiện được, Kho bạc Nhà nước

tỉnh Sơn La phải có phương án điều chỉnh thiết kế công trình cho phù hợp để không ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu của công trình thủy lợi Phai Va, xã Viêng Lán, huyện Yên Châu; báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) và UBND huyện Yên Châu. UBND huyện Yên Châu tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoàn trả tuyến đường thủy lợi Phai Va, xã Viêng Lán, huyện Yên Châu.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu tác động, đồng thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) và chịu trách nhiệm thống kê bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng phương án điều tiết giao thông trước khi triển khai thi công; kết nối giao thông vào khu vực thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án, tuyến đường vận chuyển về thời gian và địa bàn thi công; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 57 của Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018 và Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

- Cam kết tiếp thu toàn bộ, trung thực kết quả tham vấn và đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động của dự án đầu tư đối với môi trường và các ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân bị ảnh hưởng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và kết quả tham vấn trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp gây ô nhiễm môi trường và gây ra sự cố môi trường chủ dự án phải thống kê và bồi thường thiệt hại theo quy định./